

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

TÊN TIẾNG ANH: HISTORY AND GEOGRAPHY EDUCATION

MÃ NGÀNH: 7140249

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC XÃ HỘI

KHOA QUẢN LÝ: KHOA LỊCH SỬ

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Đà Nẵng, tháng 5/2023

MỤC LỤC

trang

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG	3
I. Triết lý giáo dục	3
II. Tầm nhìn	5
III. Sứ mạng	5
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)	5
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs) ..	6
III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	8
IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam ..	12
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học	13
VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	14
VII. Chiến lược giảng dạy và học tập	14
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
I. Cấu trúc chương trình đào tạo	18
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	19
III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)	23
IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	24
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	24
I. Quy trình đào tạo	24
II. Cách thức và công cụ đánh giá	24
F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	27
G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:	43
H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	43
PHỤ LỤC	P1
PHỤ LỤC 1.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	P2
1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN	P2
2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	P12
3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	P24
4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	P36

5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	P48
6. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG.....	P63
7. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	P73
8. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM.....	P88
9. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC	P100
10. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM.....	P113
11. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG.....	P124
12. BẢN ĐỒ HỌC ĐẠI CƯƠNG	P138
13. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG.....	P149
14. NHẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ.....	P157
15. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN	P170
16. MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	P175
17. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI.....	P192
18. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN - HIỆN ĐẠI.....	P207
19. LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ TRUNG ĐẠI.....	P221
20. LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN - HIỆN ĐẠI.....	P236
21. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC LỤC ĐỊA.....	P247
22. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI.....	P263
23. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM.....	P276
24. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM.....	P284
25. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÍ	P301
26. LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM	P311
27. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ	P323
28. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI.....	P334
29. CÁC NỀN VĂN MINH TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM.....	P349
30. LỊCH SỬ ĐÔ THỊ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM	P363
31. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ.....	P374
32. LỊCH SỬ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VIỆT NAM	P381
33. TÍN NGƯỠNG VÀ CÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	P391
34. QUAN HỆ VIỆT NAM – ASEAN	P404
35. HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM.....	P417
36. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	P431
37. BẢN ĐỒ GIÁO KHOA	P442

38. ĐỊA DANH HỌC VÀ ĐỊA DANH VIỆT NAM	P452
39. CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM THỜI CỔ TRUNG ĐẠI	P465
40. VIỆT NAM VỚI HỘI NHẬP NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	P477
41. TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC.....	P487
42. GIÁO DỤC HỌC	P498
43. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P513
44. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1	P527
45. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2	P539
46. LÝ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ.....	P553
47. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P565
48. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P578
49. GIAO TIẾP SƯ PHẠM.....	P590
50. ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P599
51. THỰC HÀNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG ..	P609
52. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P621
53. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC.....	P636
54. BIÊN SOẠN, GIẢNG DẠY LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG.....	P652
55. PHƯƠNG PHÁP TÍCH HỢP TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	P667
56. KIẾN TẬP SƯ PHẠM	P675
57. THỰC TẬP SƯ PHẠM.....	P682
58. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	P688
59. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 1 (KHOA HỌC LỊCH SỬ, ĐỊA LÍ)	P695
60. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 2 (KHOA HỌC GIÁO DỤC).....	P702
PHỤ LỤC 1.2. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	676
PHỤ LỤC 2. BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHĐN VỚI CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC HUẾ VÀ CTĐT	

NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - CLC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI.	P676
PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	P705
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	P712
PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN	P743
PHỤ LỤC 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT	P751
PHỤ LỤC 7._THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH, SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO	P753

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày ...tháng.....năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)*

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo (CTĐT) Sư phạm Lịch sử được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số...../QĐ-ĐHSP ngàycủa Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở rà soát, điều chỉnh và cải tiến chương trình ngành sư phạm Lịch sử và Địa lí ban hành năm 2019. Quá trình rà soát chương trình được tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện. Trên cơ sở đối sánh với khung năng lực trình độ quốc gia và khảo sát ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà quản lý và người sử dụng lao động, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình từng bước được hoàn thiện đặt cơ sở để tiến hành rà soát hoàn chỉnh khung chương trình, kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo Lịch sử và Địa lí năm 2021. Việc xem xét xác định các học phần, thời lượng học phần để đưa vào khung chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch giảng dạy được tiến hành một cách cụ thể và từng bước được hoàn thiện. Đặc biệt, là sau khi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác, nội dung của chương trình giáo dục phổ thông mới và tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhiều học phần mới đã được bổ sung vào chương trình đào tạo, thời lượng các học phần, nội dung giảng dạy các học phần trong chương trình đã được xác định lại nhằm đảm bảo trang bị cho sinh viên những kiến thức, năng lực, phẩm chất cơ bản, đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu giảng dạy của giáo viên Lịch sử - Địa lí ở các trường phổ thông hiện nay.

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí được xây dựng và quản lý bởi Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Một đơn vị giáo dục có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong việc đào tạo sinh viên sư phạm.

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tiền thân là Ban Sử - Địa - Tâm lý Giáo dục được thành lập vào ngày 03/11/1976. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển với nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi, ngày 07 tháng 01 năm 2005, Giám đốc Đại học Đà Nẵng đã ban hành quyết định thành lập Khoa Lịch sử trên cơ sở tách ra từ Khoa Sử - Địa trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Từ đó đến nay Khoa đã đào tạo được hơn 45 khoá Cao đẳng sư phạm, Đại học hệ chính qui và

vừa học vừa làm, với trên 2000 sinh viên tốt nghiệp ra trường hiện đang phục vụ trên khắp mọi miền Tổ quốc.

Khoa hiện đang quản lý 5 ngành đào tạo địa học là: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử và Địa lí, Lịch sử, Việt Nam học và Việt Nam học Chất lượng cao; 2 ngành đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ là: Lịch sử Việt Nam và Việt Nam học.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới của các ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật của Khoa ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cao. Hiện nay, đội ngũ đào tạo của Khoa Lịch sử là 15 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 7 tiến sĩ, 1 nghiên cứu sinh, 6 thạc sĩ. Các giảng viên trong khoa đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường và các Dự án trọng điểm của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cùng với các phó giáo sư - tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm, Khoa Lịch sử đã có một đội ngũ giảng viên cơ hữu có đủ năng lực để xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, bài giảng, hướng dẫn học viên thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Sư phạm Lịch sử và Địa lí
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	History and Geography Education
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7140249
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6. Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	130 tín chỉ
9. Khoa quản lý:	Khoa Lịch sử
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11. Website:	<u>http://his.ued.udn.vn</u>
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: + Phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo (≥ 130 tín chỉ). Trong đó phải tích lũy tối thiểu 15 tín chỉ

	tự chọn. + Đạt chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo quy định của nhà trường. + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên; + Không ở trong giai đoạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	Giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học và trung học cơ sở; làm việc tại các trung tâm, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, Tiến sĩ
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	1. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Brigham, Mỹ. 2. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí của Trường Đại học Sư phạm - ĐH Huế, Việt Nam.
18. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	7/2021

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục & đào tạo. Ở các trường đại học, việc xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ GD&ĐT đúng đắn

Trường Đại học sư phạm - ĐHQĐN với triết lý giáo dục:

“Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp”

hướng tới mục tiêu đào tạo con người toàn diện, có trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng, phát huy năng lực, bản lĩnh của mình trong lĩnh vực chuyên môn và đời sống xã hội; không ngừng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo. Cụ thể:

- **Giáo dục toàn diện:** Toàn diện được hiểu là tất cả các mặt, các khía cạnh và GD toàn diện chính là quá trình truyền thụ những tri thức, những kinh nghiệm, những kĩ

năng... đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế cho người học đi vào cuộc sống lao động tự lập, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Từ đó hướng tới việc sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Để thực hiện triết lý về giáo dục toàn diện, nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện cho SV.

- **Giáo dục khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Với triết lý giáo dục khai phóng, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đang đi theo xu hướng của tiếp cận giáo dục hiệu đại và hiệu quả các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Giáo dục khai phóng tạo ra thế hệ SV không chỉ vững về tri thức chuyên môn mà còn có các kỹ năng của công dân toàn cầu để thích ứng, giải quyết vấn đề hiệu quả, vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

- **Giáo dục sáng tạo:** Giáo dục hướng tới hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người học. Sáng tạo được coi là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học, hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học thông qua các hoạt động nghiên cứu và triển khai áp dụng các nghiên cứu vào thực tế đời sống.

Để thực hiện triết lý giáo dục sáng tạo nhà trường cần thực hiện: (1) Thiết lập môi trường giáo dục khuyến khích, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát huy, phát triển năng lực sáng tạo của người học; (2) SV được trang bị tri thức và kỹ năng của Sáng tạo học, Phương pháp luận sáng tạo từ đơn giản đến phức tạp phù hợp; 3/ Nội dung chương trình đào tạo các ngành và nội dung các môn học được soạn theo hướng kích thích tư duy sáng tạo với những câu hỏi sáng tạo phù hợp với trình độ của người học; 4/ Giảng viên: truyền cảm hứng sáng tạo, đam mê sáng tạo và gợi mở tư duy sáng tạo cho người học ở những môn học phù hợp; 5/ Tri thức, kỹ năng, công nghệ truyền cho người học với quan điểm: mọi tri thức, kỹ năng, công nghệ được truyền dạy đều tồn tại những hạn chế, thiếu sót, chưa đầy đủ. 6/ Đánh giá kết quả giáo dục hướng tới việc đánh giá khả năng sáng tạo, vận dụng của SV trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp hướng tới.

- **Giáo dục thực nghiệp:** Giáo dục hướng tới hình thành khả năng thực hành, vận dụng thực tiễn, hiệu quả những kiến thức được tiếp cận từ nhà trường trong quá trình học tập và làm việc sau tốt nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp giúp cụ thể hóa và thực hiện nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành”; “giáo dục gắn liền với lao động sản xuất”

Để thực hiện triết lý giáo dục thực nghiệp nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp tại các cơ sở lao động thực tiễn; nội dung các môn học trong chương trình đào tạo cần bám sát yêu

cầu của thực tiễn đời sống xã hội và nghề nghiệp; sử dụng các chiến lược dạy học, phương pháp dạy học tích cực hướng tới hình thành các năng lực để áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp chú trọng đến chất lượng đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng hoạt động của người học làm thước đo.

II. Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng là “Đến năm 2025, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo”.

Để đạt được tầm nhìn nêu trên Nhà trường cung cấp cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, công khai, minh bạch, thân thiện và có tính chuyên môn cao, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc, kỹ năng hợp tác, hội nhập đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại.

III. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nóng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.”

Nhằm góp phần cụ thể hóa sứ mạng của nhà trường, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng xác định rõ *Sứ mạng của Khoa* là “Khoa Lịch sử là nơi đào tạo, bồi dưỡng cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; kết hợp với nghiên cứu và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo ngành cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lí trong các lĩnh vực liên quan đến lịch sử và địa lí tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, các cơ quan, đoàn thể; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lịch sử, khoa học địa lí, khoa học giáo dục phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời
- **PO2:** Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lịch sử và địa lí
- **PO3:** Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.
- **PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm lịch sử và Địa lí có khả năng:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; khoa học lịch sử, khoa học địa lí; khoa học giáo dục vào hoạt động chuyên môn.
 - **PI 1.1:** Vận dụng đúng các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động chuyên môn.
 - **PI 1.2:** Tích hợp kiến thức cơ bản về văn hóa, kinh tế, xã hội và môi trường vào hoạt động giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí.
 - **PI 1.3:** Phân tích được bản chất, quy luật vận động, phát triển, mối liên hệ giữa các yếu tố cơ bản của lĩnh vực lịch sử và địa lí.
 - **PI 1.4:** Vận dụng kiến thức về khoa học lịch sử, địa lí vào hoạt động chuyên môn.
 - **PI 1.5:** Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục vào hoạt động giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí.
- **PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học lịch sử và địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
 - **PI 2.1:** Phân tích và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học, trung học cơ sở.
 - **PI 2.2:** Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
 - **PI 2.2:** Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
 - **PI 2.3:** Đánh giá kết quả giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm

chất và năng lực người học.

- **PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động dạy học, nghiên cứu thuộc lĩnh vực lịch sử và địa lí.
 - **PI 3.1:** Vận dụng thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí.
 - **PI 3.2:** Sử dụng được các phần mềm hỗ trợ cho hoạt động dạy học và nghiên cứu lịch sử, địa lí.
 - **PI 3.3:** Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí.
- **PLO4:** Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.
 - **PI 4.1:** Tư vấn tâm lý và học tập cho người học.
 - **PI 4.2:** Quản lý tập thể học sinh và quản lý hành vi học sinh.
 - **PI 4.3:** Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động dạy
- **PLO5:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học lịch sử và khoa học địa lí.
 - **PI 5.1:** Xác định vấn đề nghiên cứu.
 - **PI 5.2:** Xây dựng đề cương nghiên cứu.
 - **PI 5.3:** Trình bày được kết quả nghiên cứu.
- **PLO6:** Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.
 - **PI 6.1:** Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục.
 - **PI 6.2:** Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
 - **PI 6.3:** Giải quyết được các vấn đề có tính đa diện, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành.
- **PLO7:** Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.
 - **PI 7.1:** Sử dụng được các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ thuyết trình, trình bày báo cáo.
 - **PI 7.2:** Tham gia xây dựng, tổ chức hoạt động nhóm.
 - **PI 7.3:** Hợp tác và đánh giá hiệu quả hoạt động nhóm.
- **PLO8:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham

gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp

- **PI 8.1:** Thể hiện tác phong nhà giáo.
- **PI 8.2:** Thể hiện tinh thần trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt.
- **PI 8.3:** Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng.
- **PI 8.4:** Hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT							
		1	2	3	4	5	6	7	8
PO1	Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lịch sử, khoa học địa lí, khoa học giáo dục phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	X	X			X	X		
PO2	Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lịch sử và địa lí.		X	X	X				
PO3	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.			X	X	X	X	X	
PO4	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.								X

Bảng 3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO1: Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học	PLO 1: Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; khoa học lịch sử, khoa học địa lí; khoa học giáo dục vào hoạt động	- PI 1.1: Vận dụng đúng các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động chuyên môn. - PI 1.2: Tích hợp kiến thức cơ bản về văn hóa, kinh tế, xã hội và môi trường vào hoạt động giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí.

PO	PLO	PI
lịch sử, khoa học địa lí, khoa học giáo dục phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	chuyên môn.	- PI 1.3: Phân tích được bản chất, quy luật vận động, phát triển, mối liên hệ giữa các yếu tố cơ bản của lĩnh vực lịch sử và địa lí. - PI 1.4: Vận dụng kiến thức về khoa học lịch sử, địa lí vào hoạt động chuyên môn. - PI 1.5. Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục vào hoạt động giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí.
	PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học lịch sử và địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	- PI 2.1: Phân tích và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học, trung học cơ sở. - PI 2.2: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - PI 2.2: Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - PI 2.3: Đánh giá kết quả giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học lịch sử và khoa học địa lí.	- PI 5.1: Xác định vấn đề nghiên cứu. - PI 5.2: Xây dựng đề cương nghiên cứu. - PI 5.3: Trình bày được kết quả nghiên cứu.
	PLO 6: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.	- PI 6.1: Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục. - PI 6.2: Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. - PI 6.3: Giải quyết được các vấn đề có tính đa

PO	PLO	PI
		diện, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành.
PO2: Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lịch sử và địa lí	PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học lịch sử và địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	- PI 2.1: Phân tích và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học, trung học cơ sở. - PI 2.2: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - PI 2.2: Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - PI 2.3: Đánh giá kết quả giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.
	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động dạy học, nghiên cứu thuộc lĩnh vực lịch sử và địa lí.	- PI 3.1: Vận dụng thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí. - PI 3.2: Sử dụng được các phần mềm hỗ trợ cho hoạt động dạy học và nghiên cứu lịch sử, địa lí. - PI 3.3: Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí.
	PLO 4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	- PI 4.1: Tư vấn tâm lý và học tập cho người học. - PI 4.2: Quản lý tập thể học sinh và quản lý hành vi học sinh. - PI 4.3: Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động dạy
PO3: Có kĩ	PLO3: Ứng dụng công	PI 3.1: Vận dụng thành thạo kỹ năng sử dụng

PO	PLO	PI
năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động dạy học, nghiên cứu thuộc lĩnh vực lịch sử và địa lí.	công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí. - PI 3.3: Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong hoạt động dạy học, nghiên cứu lịch sử và địa lí.
	PLO 4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	- PI 4.1: Tư vấn tâm lý và học tập cho người học. - PI 4.2: Quản lý tập thể học sinh và quản lý hành vi học sinh. - PI 4.3: Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động dạy
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học lịch sử và khoa học địa lí.	- PI 5.1: Xác định vấn đề nghiên cứu. - PI 5.2: Xây dựng đề cương nghiên cứu. - PI 5.3: Trình bày được kết quả nghiên cứu.
	PLO 6: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.	- PI 6.1: Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục. - PI 6.2: Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. - PI 6.3: Giải quyết được các vấn đề có tính đa diện, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành.
	CLO7: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.	- PI 7.1: Sử dụng được các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ thuyết trình, trình bày báo cáo. - PI 7.2: Tham gia xây dựng, tổ chức hoạt động nhóm. - PI 7.3: Hợp tác và đánh giá hiệu quả hoạt động

PO	PLO	PI
		nhóm.
PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	CLO8: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	- PI 8.1: Thể hiện tác phong nhà giáo. - PI 8.2: Thể hiện tinh thần trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt. - PI 8.3: Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng. - PI 8.4: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 4. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối,

KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
---	---	--

Bảng 5. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam
(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X				X		X		X		X		X	
PLO 2	X	X		X	X	X		X	X	X			X		X
PLO 3			X								X		X		
PLO 4						X			X	X		X	X		X
PLO 5		X	X	X		X		X		X		X		X	X
PLO 6	X	X				X		X		X				X	
PLO 7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO 8		X					X			X		X			

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành sư phạm Lịch sử và Địa lí có thể làm các công việc:

1. Giảng dạy bộ môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học và trung học cơ sở;
2. Làm việc tại các trung tâm, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng:

- Tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.
- Tiếp tục học tập để đạt thêm chương trình Cử nhân Khoa học Lịch sử, chương trình

Cử nhân Sư phạm Lịch sử, Cử nhân Sư phạm Địa lí, Cử nhân Văn Nam học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ thuộc các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH Bộ môn Lịch sử, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội, Lý luận và PPDH Bộ môn Địa lí.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo điều 6 (Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh) của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành theo Thông tư số 05/2011/ TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển

2. Điều kiện tốt nghiệp

Đối với những sinh viên bậc đại học hệ chính quy, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học theo Quy định chuẩn đầu ra tin học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (*ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm*). Thông tin chi tiết được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

Đối với những sinh viên theo học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 - Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>. Đối với sinh viên theo học các ngoại ngữ Khác phải đạt trình độ quy đổi tương đương với cấp độ Tiếng Anh trình độ B1.

- Điều kiện để sinh viên tốt nghiệp là:

- + Phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo (≥ 130 tín chỉ). Trong đó phải tích lũy tối thiểu 13 tín chỉ tự chọn.
- + Đạt chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo quy định của nhà trường.
- + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- + Không ở trong giai đoạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và địa lí trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể

như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí áp dụng gồm phương pháp: Thuyết trình, trình diễn mẫu/thực hành.

- Thuyết trình là phương pháp dạy học mà giáo viên sử dụng ngôn ngữ để trình bày, giải thích một nội dung kiến thức (thông qua tài liệu học tập) một cách có hệ thống, lôgic.

Là phương pháp dạy học khá phổ biến ở đại học, dễ thực hiện đối với giáo viên và ít đòi hỏi về phương tiện dạy học. Phương pháp này chủ yếu được vận dụng để truyền đạt những tri thức cơ bản điển hình của bài học.

- Trình diễn mẫu/thực hành là hình thức giáo viên biểu diễn mẫu các quy trình thao tác gắn với việc trình bày, giải thích của giáo viên. Nó giúp học sinh quan sát trực quan cũng như chuẩn bị cho người học về lí luận và thực tiễn đối với việc thực hiện những tiến trình hoạt động nhất định. Trong quá trình trình diễn giảng viên gắn hình thức của thuyết trình với việc làm mẫu các hành động cụ thể hoặc giới thiệu các vật phẩm, đồ dùng trực quan. Vì vậy phương pháp dạy học này thường được giảng viên vận dụng trong các học phần nghiệp vụ, giúp sinh viên có những hình dung rõ nét nhất về quy trình để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp

- Thực hành là phương pháp dạy học giảng viên sử dụng để hướng dẫn sinh viên thực hiện một hoạt động học tập cụ thể. Từ đó, giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế từ quá trình vận dụng kiến thức đã học để hình dung dung những khó khăn, thuận lợi, những vấn đề cần lưu ý để triển khai vấn đề đó trong thực tiễn.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí áp dụng gồm phương pháp: Giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình.

- Giải quyết vấn đề là hướng dạy học mà sinh viên được đặt vào tình huống có vấn

đề, được tổ chức giải quyết vấn đề, từ đó lĩnh hội được tri thức, kỹ năng, phương pháp nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề.

Dạy học giải quyết vấn đề không phải một phương pháp dạy học cụ thể mà là một quan điểm dạy học, có thể vận dụng trong các hình thức và phương pháp dạy học khác nhau, có thể áp dụng trong dạy học lí thuyết, dạy học thực hành và cả trong nhiệm vụ giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn.

- Nghiên cứu trường hợp là một phương pháp dạy học, trong đó người học tự lực nghiên cứu một tình huống thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra, hình thức làm việc chủ yếu là làm việc nhóm. Nghiên cứu trường hợp là một hình thức điển hình của dạy học tình huống. Trong Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí các dạng nghiên cứu trường hợp được vận dụng như: trường hợp quyết định, thông tin, nghiên cứu, tìm vấn đề, giải quyết vấn đề, đánh giá...

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí áp dụng gồm phương pháp: Tham quan, trải nghiệm thực tế; Đóng vai, Dạy học qua tình huống, Khảo sát thực địa

- Tham quan, trải nghiệm thực tế là hình thức tổ chức dạy học được tổ chức tại một cơ sở thực tiễn (trường học, công ty, xí nghiệp...) để người học tự lực tìm hiểu, thu thập, phân tích, so sánh đánh giá thông tin từ cơ sở thực tiễn với nội dung học tập ở trường theo những mục tiêu dạy học xác định, từ đó điều chỉnh việc học tập cho phù hợp. Từ đó giúp sinh viên khắc sâu hơn nội dung kiến thức bài học và học học thêm kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Dạy học tình huống là phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó SV được nghiên cứu, giải quyết một tình huống có thực, từ đó phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình để từng bước chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế. Hình thức dạy học này thường được vận dụng trong các học phần rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên.

- Đóng vai là một phương pháp dạy học thông qua mô phỏng và thường có tính chất trò chơi (còn gọi là trò chơi đóng vai). Ở các mô phỏng, người học đảm nhận các vai - thường có tính chất trò chơi - và/hoặc làm việc trong những môi trường mô phỏng, nhằm trước tiên là phát triển năng lực hành động, năng lực quyết định trong những tình huống gắn với cuộc sống nhưng đã được đơn giản hóa. Qua việc hóa thân thành những vai diễn khác nhau sẽ giúp sinh viên tiếp nhận nội dung kiến thức, hình dung rõ hơn

những công việc gắn liền với chuyên môn của mình ở những khía cạnh khác nhau.

4. Dạy học tương tác

Tương tác là chiến lược dạy học chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho SV cơ hội để “phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của SV đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế”. SV có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và GV để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lý.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí áp dụng gồm phương pháp: Semina, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Semina là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó, dưới sự điều khiển trực tiếp của GV, SV trình bày, thảo luận, tranh luận về những vấn đề khoa học có tính chuyên sâu nhất định. Phân loại: theo *mức độ và phạm vi sử dụng*, gồm: seminar gắn với giáo trình; seminar gắn với một số phần/chương cơ bản của giáo trình; seminar gắn với chuyên đề.

- Vấn đáp là phương pháp dạy học được đặc trưng bởi việc trao đổi giữa giáo viên và người học hoặc giữa người học với nhau để cùng phát triển bài dưới sự điều khiển của giáo viên thông qua việc đặt ra những câu hỏi phù hợp với nội dung dạy học để từ đó lĩnh hội được nội dung bài học.

- Thảo luận nhóm là phương pháp dạy học, trong đó GV chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong các hoạt động dạy học ở cả trên lớp và ngoài lớp nhằm phát huy năng lực hợp tác, giao tiếp và tự chủ của sinh viên.

5. Tự học

Tự học là quá trình người học tác động một cách tích cực, tự lực, chủ động và sáng tạo vào đối tượng học nhằm chuyển hoá chúng thành tài sản riêng, làm cho chủ thể thay đổi và phát triển. Tự học là tự mình thực hiện việc học.

Để phát huy năng lực tự học của sinh viên, trong quá trình dạy học giáo viên cần chú ý đến việc trang bị năng lực và kiến thức về phương pháp học tập đặc thù của chuyên ngành; các hoạt động định hướng cụ thể cho sinh viên và kết hợp các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 6. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1. Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết trình	X	X		X			X	
	Thực hành		X	X	X	X			
	Trình diễn		X	X	X	X		X	
2. Chiến lược dạy học trực tiếp	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X
	Nghiên cứu trường hợp	X				X	X		X
3. Học trải nghiệm	Tham quan, trải nghiệm		X		X	X	X		X
	Đóng vai		X		X	X	X		
	Dạy học tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X
4. Dạy học tương tác	Semina	X				X	X	X	X
	Vấn đáp	X			X	X	X	X	X
	Thảo luận nhóm				X	X	X	X	X
5. Tự học		X	X	X	X	X	X	X	X

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 5 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 7.

Bảng 7. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	15	15	0	0
B	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	142	102	12	28
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	17	17	0	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	70	52	0	18
III	Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm)	37	27	0	10
IV	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	6	12	0
Tổng		157	117	12	28

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

2.1. Khung chương trình đào tạo

Bảng 8. Khung chương trình đào tạo

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày / /2022 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	11	4	1		
1	21231902	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,5	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,5	0,5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1,5	0,5	0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			142	82	55	6		
		Kiến thức Cơ sở ngành	17	14	3,5	0		
8	31821008	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	2	0	0		
9	31821078	Cơ sở Khảo cổ học	2	2	0	0		
10	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,5	0		
11	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	4	3	1	0		
12	31921022	Bản đồ học đại cương	2	1	1	0		
13	31931087	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	2	1	0		
14	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	2	2	0	0		
		Kiến thức Chuyên ngành	70	47	23	0		
15	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	2	0		
16	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		
17	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	2	1	0		
18	31841618	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	3	1	0	31831415	
19	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	2	1	0		
20	31841320	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	4	3	1	0	31831423	
21	31931184	Địa lí tự nhiên các lục địa	3	2	1	0	31942146	
22	31931089	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	2	1	0	31931087	
23	31931188	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	2	1	0	31931184	
24	31931181	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	3	2	1	0	31931141	
25	31931290	Hệ thống thông tin Địa lí	3	1	2	0		
26	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	1	0	31841320	
27	31831080	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	2	1	0	31841618	
28	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	1	1	0	31831415	
29	31821665	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	2	1	1	0	31831423	
30	31831081	Lịch sử đô thị thế giới và Việt Nam	3	2	1	0	31841320	
31	31831083	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử và Địa lí	3	2	1	0		
32	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	3	2	1	0	31841320	
		Học phần Tự chọn	18	14	4	0		
33	31831888	<i>Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam</i>	3	2	1	0	31831423	
34	31831114	<i>Quan hệ Việt Nam – ASEAN</i>	3	2	1	0	31841618	
35	31821109	<i>Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam</i>	2	2	0	0	31841320	
36	31921029	<i>Biến đổi khí hậu và Phòng chống thiên tai</i>	2	1	1	0		
37	31921081	<i>Bản đồ giáo khoa</i>	2	2	0	0	31921022	
38	31921083	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	2	2	0	0		
39	31821049	<i>Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại</i>	2	1	1	0		
40	31921075	<i>Việt Nam với hội nhập kinh tế quốc tế</i>	2	2	0	0		
		Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm	37	21	16	0		
41	32041719	Tâm lí học giáo dục	4	3	1	0		
42	32031255	Giáo dục học	3	2	1	0	32041719	
43	31821672	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0		
44	31821084	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2	1	1	0	31841663	
45	31831072	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	3	0	3	0		
46	31831623	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	3	3	0	0		
47	31841663	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	4	2	2	0	31831623	
48	31821085	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	2	0	0		
49	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0		
50	31821086	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0	31841663	
		Học phần Tự chọn	10	5	5	0		

51	32021006	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục nhà trường	2	0	2	0		
52	31821087	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0		
53	32021007	Quản lí nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		
54	31821088	Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương	2	1	1	0		
55	31821089	Phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	0	12	6		
56	31821100	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		
57	31841101	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31821100	
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	0	12	0		
58	31861102	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
59	31831090	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)	3	0	3	0		
60	31831077	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)	3	0	3	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			157	92	58	7		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			117					
Tổng số tín chỉ tự chọn bắt buộc và tự chọn			13					

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

2.2. Kế hoạch đào tạo

Bảng 9. Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Khóa: 2022

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày / /2022 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	2	2	0	0		
	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	2	1	0		
	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	2	1	0		
	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	4	3	1	0		
	31821008	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	2	0	0		
	31921022	Bản đồ học đại cương	2	1	1	0		
	31821078	Cơ sở Khảo cổ học	2	2	0	0		
		Học phần Tự chọn	0	0	0	0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	18	14	4	0			
2	21231902	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0		
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
	31841320	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	4	3	1	0	31831423	

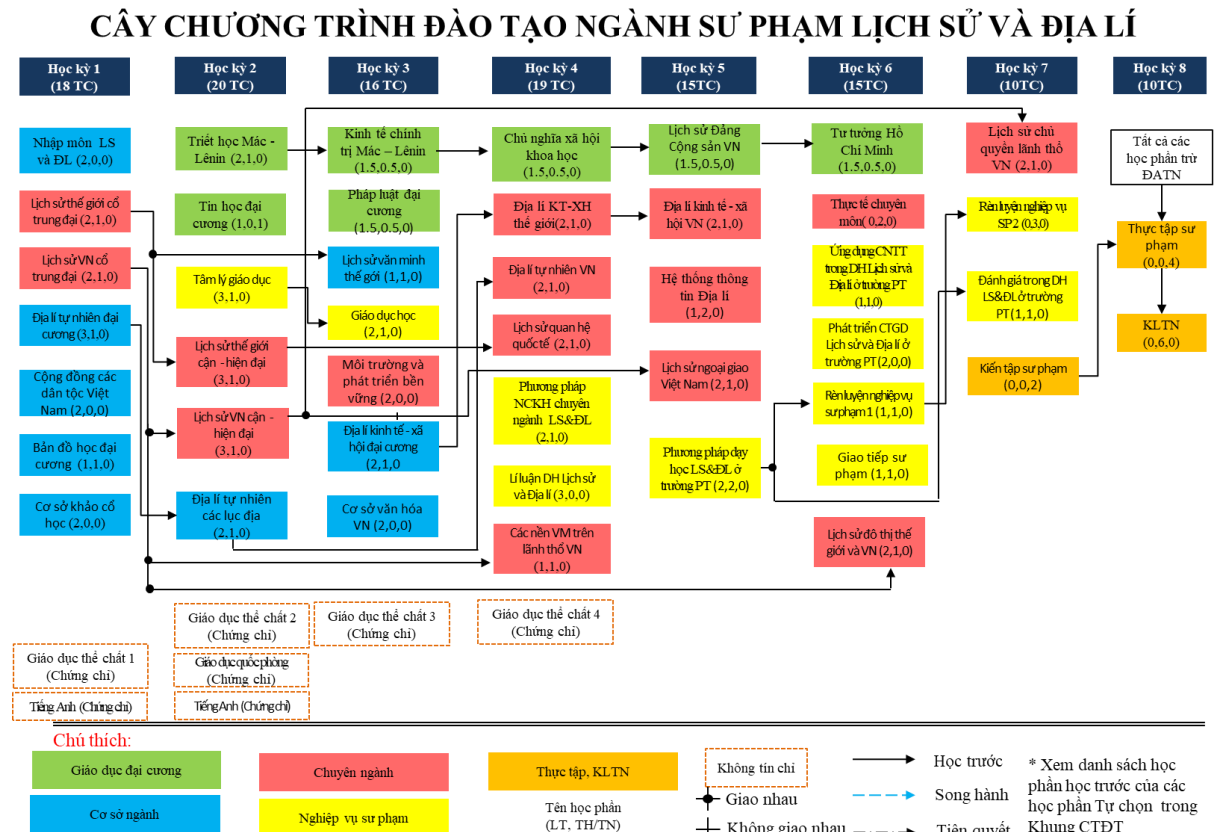
	31841618	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	3	1	0	31831415	
	32041719	Tâm lý học giáo dục	4	3	1	0		
	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	2	1	0	31942146	
		Học phần Tự chọn	0	0	0	0		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
	31821049	<i>Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại</i>	2	1	1	0		
	31831888	<i>Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam</i>	3	2	1	0	31831423	
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	25	18	6	1		
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1,5	0,5	0	21231902	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	1,5	0,5	0		
	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		
	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	1	1	0	31831415	
	32031255	Giáo dục học	3	2	1	0	32041719	
	31931087	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	3	2	1	0		
	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,5	0		
		Học phần Tự chọn	5	3	2	0		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
	31831114	<i>Quan hệ Việt Nam – ASEAN</i>	3	2	1	0	31841618	
	31921029	<i>Biến đổi khí hậu và Phòng chống thiên tai</i>	2	1	1	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	15	6,5	0		
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,5	0,5	0	21321901	
	31931089	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	2	1	0	31931087	
	31931188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	2	1	0	31931184	
	31831080	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	2	1	0	31841618	
	31831083	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử và Địa lý	3	2	1	0		
	31831623	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lý	3	3	0	0		
	31821665	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	2	1	1	0	31831423	
		Học phần Tự chọn	4	2	2	0		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
	32021006	<i>Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục nhà trường</i>	2	0	2	0		
	31821109	<i>Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam</i>	2	2	0	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	23	16	7,5	0		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,5	0	21221903	
	31931181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3	2	1	0	31931141	
	31931290	Hệ thống thông tin Địa lý	3	1	2	0		
	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	1	0		
	31841663	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lý ở trường phổ thông	4	2	2	0	31831623	
		Học phần Tự chọn	6	4	2	0		
	31821088	<i>Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lý địa phương</i>	2	1	1	0		
	31821089	<i>Phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lý ở trường phổ thông</i>	2	1	1	0		
	31921075	<i>Việt Nam với hội nhập kinh tế quốc tế</i>	2	2	0	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	13	8,5	0		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	0	21221904	
	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	2	0		
	31821672	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lý ở trường phổ thông	2	1	1	0		
	31821085	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lý ở trường phổ thông	2	2	0	0		
	31831081	Lịch sử đô thị thế giới và Việt Nam	3	2	1	0	31841320	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0	32031255	

	31821084	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2	1	1	0		
		Học phần Tự chọn	4	4	0	0		
	31921081	Bản đồ giáo khoa	2	2	0	0	31921022	
	31921083	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	2	0	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	19	13	6,5	0		
7	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	3	2	1	0	31841320	
	31831072	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	3	0	3	0	31831791	
	31821086	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0	31841663	
	31821100	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2	31831791	
		Học phần Tự chọn	4	3	1	0		
	32021007	Quản lí nhà nước về giáo dục	2	2	0	0	32031255	
	31821087	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	0	31841663	
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	14	6	6	0		
8	31841101	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31821100	
		Học phần Tự chọn	12	0	12	0		
	31861102	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
	31831090	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)	3	0	3	0		
	31831077	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)	3	0	3	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	0	12	4		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)



IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

(Xem Phụ lục 3)

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

Chương trình được đào tạo theo học chế tín chỉ với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp tuân theo *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định bổ sung của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm, bao gồm:*

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính (*từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu*), mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ - học kỳ hè (*từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám*) để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, các kiến thức chuyên ngành được học từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 130TC với điểm trung bình tốt nghiệp theo hệ 4 là ≥ 2.0 .

II. Cách thức và công cụ đánh giá

1 Đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- + Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

+ Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

+ Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ nhiều mức hơn do cơ sở đào tạo quy định (nếu có) cũng được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

- + A quy đổi thành 4;
- + B quy đổi thành 3;
- + C quy đổi thành 2;
- + D quy đổi thành 1;
- + F quy đổi thành 0.

- Những điểm chữ không được quy định tại tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần thì không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Cơ sở đào tạo đang đào tạo theo niên chế và sử dụng thang điểm 10 thì tính các điểm trung bình dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10, không quy đổi các điểm chữ về thang điểm 4.

-. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

STT	Xếp loại	Theo thang điểm 4	Theo thang điểm 10
1	Xuất sắc	Từ 3,6 đến 4,0	Từ 9,0 đến 10,0
2	Giỏi	Từ 3,2 đến cận 3,6	Từ 8,0 đến cận 9,0
3	Khá	Từ 2,5 đến cận 3,2	Từ 7,0 đến cận 8,0
4	Trung bình	Từ 2,0 đến cận 2,5	Từ 5,0 đến cận 7,0
5	Yếu	Từ 1,0 đến cận 2,0	Từ 4,0 đến cận 5,0
6	Kém	Dưới 1,0	Dưới 4,0

- Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- + Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- + Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- + Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- + Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- + Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

2. Đánh giá học phần

Hoạt động đánh giá của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Việc đánh giá khóa luận, thực tập, tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình của nhà trường

Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;
- Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Trong quá trình triển khai đánh giá giảng viên có thể sử dụng các phương pháp sau để thu tập thông tin và đánh giá đúng mức độ đạt được của sinh viên như :Đánh giá thông qua quan sát; Đánh giá thông qua sản phẩm nhóm; Đánh giá thông qua câu hỏi,

bài tập; Đánh giá đồng đẳng

Để hỗ trợ cho các phương pháp đánh giá đạt được độ chính xác và tin cậy cao hơn, các tiêu chí đánh giá cho từng phương pháp và bài đánh giá đã được cụ thể hóa trong ngân hàng Rubric của chương trình đào tạo (xem phụ lục 1.2).

Các rubric bao gồm các mô tả nội dung năng lực và mức độ đánh tương ứng căn cứ vào thang đánh giá Bloom/Bloom cập nhật. Các Rubric đánh giá áp dụng đối với các HP trong CTDH được trình bày từ bảng R.01 đến bảng R.15

4. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

- Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

- + A: từ 8,5 đến 10,0;
- + B: từ 7,0 đến 8,4;
- + C: từ 5,5 đến 6,9;
- + D: từ 4,0 đến 5,4.

- Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

- + P: từ 5,0 trở lên.

- Loại không đạt:

- + F: dưới 4,0.

- Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

- + I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;
- + X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;
- + R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa

		học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần được kết cấu thành hai phần chính: - Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.
5	Tư tưởng Hồ Chí	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch

	Minh	Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Tin học đại cương	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư phạm Tin học.
7	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính.
8	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về cộng đồng, tộc người, vấn đề xác minh thành phần tộc người, khái niệm văn hóa, vùng văn hóa, các lý thuyết liên quan đến tộc người và văn hóa tộc người. Các đặc điểm về tên gọi, nguồn gốc, thành phần, phân bố, dân cư, kinh tế - xã hội - văn hóa của 54 dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc, đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Học phần dạy cho sinh viên cần phải có thái độ khách quan, tránh sự đánh giá thiên lệch, tuyệt đối hóa đối

		tượng theo một thiên kiến có sẵn. Hình thành thái độ tôn trọng tính đa dạng văn hóa của các tộc người.
9	Cơ sở Khảo cổ học	Cơ sở Khảo cổ học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Học phần cung cấp các kiến thức bổ trợ để sinh viên tiếp cận với các học phần chuyên ngành lịch sử. Nội dung của học phần bao gồm khái niệm về Khảo cổ học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Khảo cổ học; các loại hình di tích, di chỉ khảo cổ, phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; lịch sử Khảo cổ học; các thời đại Khảo cổ học thế giới và Việt Nam.
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn học <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam như một số thuật ngữ, khái niệm, phương pháp tiếp cận, và lý luận về văn hóa; phác thảo tiến trình, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam; đúc kết các hằng số cơ bản của văn hóa dân tộc; gợi mở và bàn luận về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Môn học gồm 4 nội dung chính: (1). Văn hóa và cách tiếp cận văn hóa Việt Nam; (2). Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; (3). Các thành tố văn hóa Việt Nam; (4). Các vùng văn hóa Việt Nam.
11	Địa lí tự nhiên đại cương	Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về khoa học Địa lí từ đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, đặc điểm và các vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lí do các vận động của Trái Đất tạo ra. Ngoài ra, học phần này cũng nghiên cứu về các quá trình địa động lực, các quy luật của Trái đất, các quy luật Địa lí mối quan hệ giữa Trái Đất với con người. Bên cạnh đó, học phần này còn tập trung giải thích, liên hệ thực tiễn những vấn đề xảy ra trong thực tế đời sống. Đây là học phần quan trọng, là nền tảng để học những phần liên quan đến Địa lí tự nhiên các lục địa, Địa lí tự nhiên Việt Nam và những phần khác có liên quan.
12	Bản đồ học đại cương	Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ Địa lí như: đặc điểm của bản đồ Địa lí; cơ sở toán học, các phương pháp thể hiện bản đồ, các nhân tố ảnh hưởng và phương pháp tổng quát hoá, phân loại bản đồ. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng thành lập, sử dụng bản đồ trong dạy học và nghiên cứu Địa lí và Lịch sử.
13	Địa lí kinh	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương là học phần bắt buộc trong chương

	tế - xã hội đại cương	trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm Địa lí. Đây là điểm khởi đầu, là phần “nhập môn” cho toàn bộ kiến thức địa lí kinh tế- xã hội, là cơ sở để sinh viên có khả năng tiếp thu phần khác như địa lí kinh tế- xã hội thế giới, địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam. Học phần này xoay quanh các nội dung về dân cư và đô thị hóa, về những vấn đề chung của nền kinh tế; về vai trò, đặc điểm phân bố và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.
14	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	Nhập môn Lịch sử và Địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý. Nội dung học phần bao gồm những hiểu biết cơ bản về khoa học lịch sử, địa lí như: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học, địa lí học; các phương pháp nghiên cứu sử học, địa lí học; khái lược lịch sử hình thành và phát triển của sử học và địa lí học trên thế giới cũng như ở Việt Nam, cũng như những tính chất, phương pháp đặc thù của từng khoa học mà sinh viên cần phải biết để vận dụng vào công việc nghiên cứu, giảng dạy sau này.
15	Thực tế chuyên môn	Trải nghiệm thực tế để tiếp thu và vận dụng kiến thức là một trong những xu hướng dạy học mới hiện nay. Thông qua hoạt động ý nghĩa này không chỉ góp phần thay đổi không gian học tập, tăng cường hứng thú học tập của sinh viên mà còn giúp sinh viên có được cơ hội tốt để trau dồi kiến thức, chuyên môn từ thực tiễn và có thêm nhiều nguồn tư liệu, kiến thức mới cũng như kinh nghiệm tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử, địa lí ở trường phổ thông hiện nay.
16	Môi trường và phát triển bền vững	Môi trường và phát triển bền vững là học phần chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về môi trường, các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Học phần bao gồm các nội dung như giới thiệu những vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên, các vấn đề môi trường toàn cầu và ở Việt Nam hiện nay; chức năng của môi trường, mục tiêu của giáo dục vì sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững và mục tiêu của phát triển bền vững. Các vấn đề môi trường với phát triển bền vững.
17	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Lịch sử thế giới cổ trung đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử. Đây là học phần có ý nghĩa mở đầu và đặt nền tảng để

		sinh viên tiếp cận với các học phần Lịch sử thế giới cận đại. Nội dung chính của học phần gồm giai đoạn đầu tiên trong lịch sử xã hội loài người bắt đầu từ khi con người xuất hiện, đến khi hình thành xã hội có giai cấp, nhà nước sớm ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc) và muộn hơn sau đó ở phương Tây (Hy Lạp, La Mã). Lịch sử trung đại Tây Âu với sự hình thành, củng cố và phát triển của chế độ phong kiến từ thế kỷ V đến thế kỷ XVI.
18	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	Học phần Lịch sử thế giới cận - hiện đại là học phần bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nội dung cơ bản của thời kì lịch sử thế giới cận và hiện đại gắn liền với: sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản qua các thời kì; phong trào công nhân, giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mỹ Latinh thời cận hiện đại; các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp, khoa học kĩ thuật; những sự kiện lịch sử tiêu biểu liên quan đến các cường quốc và quan hệ quốc tế từ 1566 đến nay. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức cơ bản này, SV có cơ sở để nhận thức được nguồn gốc, xu hướng vận động của lịch sử và có thể vận dụng để nghiên cứu và giảng dạy sau này.
19	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Đây là học phần có ý nghĩa mở đầu và đặt nền tảng để sinh viên tiếp cận với các học phần Lịch sử Việt Nam cận đại. Nội dung chính của học phần là tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỷ XIX, trong đó tập trung vào các vấn đề: thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam; thời kỳ Bắc thuộc và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm giành quyền độc lập tự chủ, bảo vệ, phát huy nền văn hoá dân tộc; Việt Nam từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XVIII; Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX.
20	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	Học phần Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay, gắn liền với những mạch nội dung chính đó là: các phong trào đấu tranh bảo vệ, giành độc lập từ tay thực dân Pháp từ 1858 - 1945; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược từ 1945-1975 và công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ

		nghĩa từ năm 1975 đến nay. Từ đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, yêu nước, khơi dậy ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với sự phát triển của quê hương, đất nước.
21	Địa lí tự nhiên các lục địa	Học phần Địa lí tự nhiên các lục địa là môn nằm vị trí trung tâm trong chương trình Địa lí, là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về các nhân tố hình thành tự nhiên, đặc điểm các hợp phần tự nhiên thuộc các khu vực Địa lí tự nhiên của các lục địa. Với học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về các thành phần tự nhiên của lục địa hoặc bộ phận nhỏ hơn lục địa gồm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và cảnh quan; đồng thời hình thành ở người học kỹ năng phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các thành phần để tạo nên tổng thể thông qua quá trình trao đổi vật chất và năng lượng..
22	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Địa lí học giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ chính trị thế giới, sự phân bố không gian và một số đặc điểm chính của một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới, các nhân tố thúc đẩy, một số vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đặc điểm địa lí kinh tế, dân cư, xã hội của thế giới, châu lục và một số quốc gia tiêu biểu nhằm giúp sinh viên hình thành được hệ thống kiến thức về kinh tế - xã hội trên thế giới phục vụ cho dạy học, nghiên cứu và học tập suốt đời.
23	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình Sư Phạm Địa lí, với mục tiêu khái quát các điều kiện tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam. Để hoàn thành được nhiệm vụ của học phần này, sinh viên cần phải được trang bị các kiến thức về Địa lí tự nhiên đại cương và Địa lí tự nhiên các lục địa. Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đặc điểm các thành phần của tự nhiên Việt Nam bao gồm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam, vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên ở Việt Nam và phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam.

24	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	Môn học Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật có hệ thống về các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam gồm: lãnh thổ - tài nguyên - môi trường; địa lý dân cư. Cập nhật tổng hợp và có hệ thống những kiến thức về sự phát triển của các ngành kinh tế Việt Nam gồm: nông – lâm - ngư, công nghiệp, dịch vụ và một số vấn đề về tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế của Việt Nam. Môn học này giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay, hiểu được thế mạnh, con đường phát triển kinh tế, cũng như những khó khăn, thách thức trong phát triển các ngành kinh tế cũng như các vùng kinh tế.
25	Hệ thống thông tin Địa lí	Hệ thống thông tin địa lí (GIS) là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về GIS như: tổng quan về hệ thống tin địa lí, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng GIS, các phương pháp thu thập, cập nhật dữ liệu, phân tích không gian trong GIS và thiết kế biên tập bản đồ.
26	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Học phần Lịch sử Ngoại giao Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chính sách, phương thức tiến hành các hoạt động ngoại giao của Việt Nam qua các thời kì; tổng kết những kinh nghiệm của cha ông trong việc kết hợp giữa đấu tranh ngoại giao với các hình thức đấu tranh khác để bảo vệ quyền lợi tối cao của dân tộc; truyền thống ngoại giao hòa hiếu của ông cha ta, tạo nên một trong những cơ sở của ngoại giao Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc cho sinh viên.
27	Lịch sử quan hệ quốc tế	Học phần Lịch sử Quan hệ quốc tế là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này giúp sinh viên có được những nhận thức sâu sắc về các giai đoạn phát triển của quan hệ quốc tế qua các thời kì, ảnh hưởng tác động của quan hệ quốc tế đến sự phát triển của lịch sử thế giới và xu hướng phát triển trong quan hệ quốc tế hiện nay. Qua đó, học phần sẽ giúp sinh viên có những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm quan hệ quốc tế qua các thời kì, vận dụng được những kiến thức đã học để nhận định và giải quyết những vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay.
28	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Cử nhân Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên

		hệ thống kiến thức về các nền văn minh của nhân loại như nền văn minh Bắc Phi và Tây Á; Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; Hy Lạp, La Mã và Tây Âu thời cổ trung đại; nền văn minh công nghiệp và nền văn minh thế giới thế kỷ XX. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nội dung lịch sử văn minh thế giới, kỹ năng
29	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý. Đây là học phần giúp mở rộng và làm sâu sắc hơn kiến thức lịch sử Việt Nam cổ trung đại cho sinh viên. Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam như Văn minh Văn Lang - Âu Lạc, văn minh Đại Việt, văn minh Champa, văn minh Phù Nam, cũng như thành tựu mà các nền văn minh này đã đạt được trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội.
30	Lịch sử đô thị thế giới và Việt Nam	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về đô thị Việt Nam và thế giới với những nội dung cơ bản như: khái niệm đô thị, cơ sở hình thành, diễn trình lịch sử và các đặc điểm của đô thị trên thế giới và ở Việt Nam, vai trò, tầm quan trọng của đô thị trong việc hình thành các nền văn minh, trong việc nắm giữ vị trí trung tâm (chính trị, kinh tế, văn hóa) của các vùng miền, địa phương hay quốc gia; vấn đề đô thị hóa trong lịch sử thế giới và Việt Nam, và ý nghĩa của việc nghiên cứu đô thị đối với công cuộc xây dựng và phát triển đô thị hiện đại.
31	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	Học phần Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần đi sâu phân tích về quá trình hình thành và mở rộng lãnh thổ Việt Nam trên đất liền qua các thời kì, trong đó nhấn mạnh đến quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam; hệ thống lí luận về lãnh thổ, về biển đảo; quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Từ đó trang bị cho sinh viên những hiểu biết về sự hình thành, thay đổi lãnh thổ Việt Nam qua các thời kì, khơi dậy ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.
32	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt	Học phần <i>Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam</i> sẽ trình bày một số vấn đề lý luận về tôn giáo, tín ngưỡng như: khái niệm, bản chất, nguồn gốc, chức năng, loại hình. Đi sâu vào một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín

	Nam	ngưỡng thờ Thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. Đồng thời, học phần giới thiệu các tôn giáo chính ở Việt Nam hiện nay như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo. Cuối cùng, học phần sẽ trình bày một số đặc điểm chính trong tình hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, đề cập đến quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng.
33	Quan hệ Việt Nam - ASEAN	Học phần Quan hệ Việt Nam - ASEAN là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tổ chức ASEAN; tiến trình phát triển của quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN; thành tựu và hạn chế trong quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN; vị thế và đóng góp của Việt Nam đối với tổ chức ASEAN; triển vọng của mối quan hệ Việt Nam - ASEAN trong tương lai. Đây là nội dung kiến thức nền tảng cần thiết để giúp sinh viên có thể vận dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp.
34	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	Thông qua việc phân tích bối cảnh đất nước, quê hương, gia đình và các hoạt động của Hồ Chí Minh, học phần làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam. Thông qua đó, hình thành ở người học ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh; bồi đắp tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc; sự phấn đấu, vươn lên, góp phần vào sự phát triển của đất nước.
35	Biến đổi khí hậu và Phòng chống thiên tai	Học phần Biến đổi khí hậu (BĐKH) và phòng chống thiên tai được xây dựng để hỗ trợ người học trong nghiên cứu Địa lí cũng như giảng dạy 02 chuyên đề trong chương trình giáo dục phổ thông mới: biến đổi khí hậu và chuyên đề về thiên tai và biện pháp phòng chống. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Biến đổi khí hậu và các nguyên nhân dẫn đến BĐKH, các kịch bản BĐKH và giải pháp ứng phó với BĐKH hiện nay trên thế giới và Việt Nam; Các thiên tai liên quan đến BĐKH: nguyên nhân, điều kiện hình thành và cơ chế hoạt động của từng loại thiên tai, các giải pháp ứng phó, giảm nhẹ rủi ro do thiên tai; Giáo dục ứng phó với BĐKH và các giải pháp truyền thông môi trường và biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; các phương pháp nghiên cứu về BĐKH và thiên tai.

36	Bản đồ giáo khoa	Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm các nội dung về khái niệm, đặc điểm, tính chất và phân loại bản đồ giáo khoa, rèn luyện kỹ năng sử dụng các loại hình bản đồ giáo khoa. Biên tập và biên vẽ bản đồ giáo khoa.
37	Địa danh học và địa danh Việt Nam	Môn học Địa danh học và Địa danh Việt Nam là khoa học nghiên cứu về địa danh, bao gồm nguồn gốc, ý nghĩa, sử dụng và phân loại chúng. Khoa học địa danh là tên gọi của các đối tượng trong tự nhiên, các công trình xây dựng, đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ gắn với đời sống con người, từ đó áp dụng để giải thích về nguồn gốc, ý nghĩa và tên gọi của địa danh Việt Nam. Hiện nay, địa danh là đối tượng quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học...
38	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý. Nội dung của học phần nghiên cứu bối cảnh lịch sử, nội dung, đặc điểm, tính chất cũng như đánh giá kết quả của các cuộc cải cách diễn ra từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX, hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận với các học phần chuyên ngành lịch sử khác.
39	Việt Nam với hội nhập kinh tế quốc tế	Học phần Việt Nam với hội nhập kinh tế quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý giúp người học nắm vững các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nhằm phục vụ cho dạy học, nghiên cứu và học tập suốt đời.
40	Tâm lý học giáo dục	H Học phần Tâm lý học giáo dục thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp kiến thức về đặc điểm phát triển tâm sinh lý lứa tuổi học sinh phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục, đặc điểm tâm lý nhân cách người giáo viên và vấn đề sức khỏe tâm thần học đường. Nội dung của học phần bao gồm 6 chương: (1) Khái quát chung về tâm lý học giáo dục; (2) Đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh phổ thông; (3) Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; (4) Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục, (5) Tâm lý học nhân cách người giáo viên và (6) Sức khỏe tâm thần học đường và sự hỗ trợ tâm lý của giáo viên.
41	Giáo dục	Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục học bao gồm:

	học	- Những vấn đề chung nhất về giáo dục học như: Giáo dục học là một khoa học; giáo dục và sự phát triển; mục đích giáo dục; nguyên tắc giáo dục; đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên trong nhà trường. - Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học: Khái quát về trình độ dạy học như khái niệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học; - Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục như: Khái quát về quá trình giáo dục như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, nội dung của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. - Chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong trường phổ thông.
42	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Để đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại toàn cầu hóa và công nghệ số, học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông” sẽ giúp sinh viên không chỉ hiểu rõ về vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học mà còn hướng dẫn sinh viên cách thức ứng dụng các phần mềm cơ bản phục vụ hoạt động dạy học, cách phối kết hợp các bài giảng điện tử trong dạy học lịch sử và địa lí ở trường phổ thông. Từ đó, góp phần hình thành và phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên.
43	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành sư phạm Lịch sử và Địa lí	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: khái niệm, ý nghĩa và mục đích của nghiên cứu; hệ thống các phương pháp nghiên cứu; cấu trúc và quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
44	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần thực hành rèn luyện các kỹ năng: thuyết trình; trình bày bảng và tổ chức các hoạt động dạy học, thiết kế kế hoạch dạy học với sự phối hợp của các lực lượng giáo dục khác nhau. Thông qua học phần này, SV bước đầu hình thành được năng lực dạy học cơ bản đặc biệt là năng lực sử dụng ngôn ngữ, bước đầu có những hiểu biết về công

		việc của người giáo viên, về những năng lực của người giáo viên ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.
45	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	Học phần “ <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2</i> ” tạo điều kiện cho người học được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành các hoạt động dạy học, giáo dục ở trường trung học phổ thông. Từ đó, giúp sinh viên bước đầu vận dụng những lý thuyết dạy học đã được vào thực tiễn giảng dạy để chuẩn bị tốt hơn cho các hoạt động kiến tập và thực tập tại trường trung học phổ thông .
46	Lý luận dạy học Lịch sử và Địa lí	Lý luận dạy học Lịch sử và địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận dạy học cụ thể của bộ môn Lịch sử và Địa lí liên quan đến đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của dạy học lịch sử; bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; hệ thống tri thức; các nguyên tắc và phương pháp, phương tiện dạy học lịch sử và địa lí. Đây là những kiến thức lý luận dạy học bộ môn đầu tiên được trang bị cho sinh viên, giúp sinh viên có được những nền tảng kiến thức quan trọng để tiếp tục tìm hiểu sâu hơn những kiến thức về phương pháp dạy học và phát triển chương trình dạy học ở những học kì sau.
47	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Phương pháp dạy học Lịch sử và địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. Ở học phần này học sinh sẽ tiếp tục được tìm hiểu một cách cụ thể hơn, sâu hơn và thực hành những phương pháp dạy học lịch sử và địa lí khác nhau. Từ đó, rút ra được những ưu điểm, hạn chế, khó khăn thuận lợi của từng phương pháp dạy học khi vận dụng vào thực tiễn. Vì vậy, sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có những kiến thức, kỹ năng cơ bản để liên hệ, lựa chọn được những phương pháp dạy học phù hợp cho nội dung cụ thể của từng bài học lịch sử và địa lí.
48	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, gồm các nội dung cơ bản: các khái niệm liên quan đến chương trình và phát triển chương trình giáo dục; các quan điểm và cách tiếp cận được sử dụng trong phát triển chương trình giáo dục; cấu trúc của chương trình giáo dục và cấu trúc của kế hoạch giáo dục của nhà trường; quy trình phát triển chương trình giáo dục và quy trình phát triển kế hoạch giáo dục của nhà trường; hệ thống năng lực cần phát triển cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông; kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và kế hoạch của giáo viên ở trường THCS.

49	Giao tiếp sư phạm	Học phần Giao tiếp Sư phạm thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học và các phong cách giao tiếp sư phạm; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm; (4) Xử lý tình huống sư phạm.
50	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, gồm các nội dung chính như: mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
51	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục nhà trường	Học phần này hình thành cho sinh viên các năng lực giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh trong nhà trường. Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh.
52	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông là học phần nghiên cứu lý luận và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học bộ môn. Học xong học phần này, người học có thể hiểu khái niệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm; xác định được hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hình thành kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí. Đồng thời hình thành và phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
53	Quản lý nhà nước về giáo dục	Học phần Quản lý nhà nước về giáo dục thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục;

		Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.
54	Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương	Giáo dục địa phương là một trong những nội dung dạy học quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với giúp học sinh. So với các môn học khác môn Lịch sử, Địa lí có nhiều ưu thế trong việc giáo dục truyền thống địa phương cho học sinh. Để giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò này của bộ môn, học phần “ <i>Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương</i> ” sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu địa phương; đặt cơ sở giúp sinh viên có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về địa phương; xây dựng các chủ đề dạy học và giáo dục lịch sử, địa lí địa phương ở trường phổ thông.
55	Phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông như: khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tích hợp trong DHLS; phân loại phương pháp tích hợp; vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
56	Kiến tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Người học có 3 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau: - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về thực tế giáo dục ở trường cơ sở thực tập ; - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của giáo viên bộ môn ...; - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; - Dự giờ giảng dạy, sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn. Trao đổi, thảo luận với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết dự giờ.

57	Thực tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử. Người học có 8 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau: - Thực hành các khâu của quy trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, chấm bài kiểm tra, vào điểm,... - Thực hành các nghiệp vụ của giáo viên chủ nhiệm từ nắm bắt tình hình lớp, đối ngũ cán bộ lớp, hội cha mẹ học sinh, tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh, đánh giá, xếp loại học sinh,... - Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của trường để tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, lao động công ích,... - Trao đổi với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết lên lớp.
58	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp. .
59	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)	Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học lịch sử, địa lí theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
60	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)	Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học giáo dục theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp

		nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
--	--	--

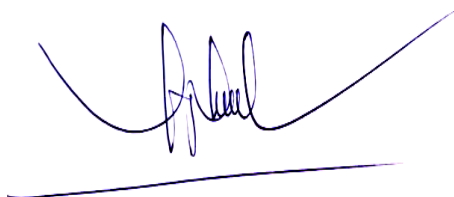
G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:

(Xem phụ lục 1)

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình áp dụng cho Khóa tuyển sinh 2021 và thực hiện theo các quy định hiện hành về đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy;
- Chương trình được đánh giá, cải tiến chất lượng theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Hiệu trưởng ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu cần thiết) trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường./.

P. TRƯỞNG KHOA



Trương Trung Phương



HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Triết học Mác- Lênin
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Marx - Lenin Philosophy
1.3	Mã học phần:	21231902
1.4	Số tín chỉ:	3 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành loại 2	05TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Phạm Huy Thành
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS. TS. Lê Hữu Ái TS. Phạm Huy Thành TS. Đinh Thị Phượng TS. Dương Đình Tùng TS Trần Hồng Lưu TS. Trịnh Sơn Hoan Ths Trần Đức Tâm TS. Lê Văn Thao
-	Bộ môn phụ trách giảng chủ nghĩa dạy:	- Triết học- Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐ - Lý luận chính trị - Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, ĐHQĐ

1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái luận về quá trình hình thành, phát triển của triết học và triết học Mác- Lênin; kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thành thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng cho người học, giúp người học có tư duy phản biện và sáng tạo trong việc bảo vệ các quan điểm của triết học Mác- Lênin.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1. Có kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác-Lênin.

CO2: Có kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật biện chứng.

CO3: Có kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật lịch sử.

CO4: Có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Nêu được quá trình hình thành và phát triển của triết học, nội dung vấn đề cơ bản của triết học.	PI1.1	R
CLO2	Chứng minh được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	PI1.1	R
CLO3	Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức.	PI1.1	R
CLO4	Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về học thuyết hình thái kinh tế- xã hội: biện chứng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; sự phát triển lịch sử- tự nhiên của các hình thái kinh tế- xã hội.	PI1.1	R
CLO5	Giải thích được quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người;	PI1.1	R
CLO6	Chỉ ra được sự vận dụng các bài học phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	PI1.4	I
CLO7	Đấu tranh với các quan điểm duy tâm, tôn giáo và phản biện, bảo vệ được các vấn đề của triết học Mác- Lênin.	PI6.1, PI8.2	R R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.4					PI6.1		PI8.2
CLO 1	R								
CLO 2	R								

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.4					PI6.1		PI8.2
CLO 3	R								
CLO4	R								
CLO5	R								
CLO6		I							
CLO7							R		R

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ/ Chuyên cần	P1.1 Quan sát	R1	W1.1 50	W1 30	CLO 1, 2,3, 5,6
	A1.2 Bài làm theo nhóm	P1.2. Cuốn báo cáo và thuyết trình tại lớp	R5	W1.2 50		CLO 2, 3,5,6,7
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2 Kiểm tra giữa kỳ	P2 Tự luận	R6	W2 100	W2 20	CLO 2, 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3 Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3 100	W3 50	CLO 3, 4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin	2/1/0	Thuyết trình/ kĩ thuật động não	Đọc tài liệu GT trang 7 thảo luận cá nhân và nhóm Làm bài tập cá nhân	A1.1	CLO 1
2	1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất	2/1/0	Thuyết trình, kĩ thuật mảnh ghép, Pp nêu và giải quyết vấn đề	Đọc tài liệu, trang 25 thảo luận nhóm báo cáo bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO1 CLO 2 CLO7
3	2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	2/1/0	Thuyết trình, bề cá,	Đọc tài liệu trang 77	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật		mảnh ghép, động não	thảo luận nhóm theo chủ đề, báo cáo kết quả thảo luận nhóm		
4	1. Nội dung của phép biện chứng	2/1/0	Thuyết trình, KT bể cá, KT mảnh ghép, KT động não	Đọc tài liệu GT trang 100 thảo luận nhóm theo chủ đề, báo cáo kết quả thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7
5	2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật (TT) 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học	2/1/0	Thuyết trình, kĩ thuật mảnh ghép,	Đọc TL GT trang 200 Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6
6	2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	2/1/0	Thuyết trình, sơ đồ tư duy, động não, tia chóp	Đọc tài liệu GT trang 274 thảo luận, bài tập nhỏ của cá nhân	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7
7	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1 Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội	2/1/0	sơ đồ tư duy, động não, tia chóp	Đọc tài liệu GT trang 284 Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO4 CLO6 CLO7

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	3.1.1 Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2 Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất					
8	Kiểm tra giữa kỳ		Tự luận		A2	CLO 2 CLO3
9	3.1.3 Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.2 Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên 3.2.1 Phạm trù hình thái KT- XH	2/1/0	PP động não PP thảo luận nhóm PP trực quan	- Đọc tài liệu GT trang 305 - Thảo luận cặp đôi/ nhóm nhỏ - Trực quan	A1.1 A1.2	CLO 4 CLO6 CLO7
10	3.2.2 Tiến trình lịch sử- tự nhiên của xã hội loài người 3.2.3 Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng 3.3 Giai cấp 3.3.1 Định nghĩa giai cấp 3.3.2 Nguồn gốc giai cấp 3.3.3 Kết cấu xã hội- giai cấp	2/1/0	Thuyết trình, động não, tia chớp	- Đọc tài liệu GT trang 318 - Thảo luận cặp đôi Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO4 CLO6 CLO7
11	3.4 Đấu tranh giai cấp 3.4.1 Tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp 3.4.2 Vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp	2/1/0	- kĩ thuật khăn trải bàn - Làm việc cá nhân Đàm thoại	-Làm việc cá nhân - Thảo luận nhóm nhỏ	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	3.4.3 Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản 3.5 Dân tộc 3.5.1 Cách hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc 3.5.2 Dân tộc- hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay					
12	3.6 Mối quan hệ giai cấp- dân tộc- nhân loại 3.6.1 Quan hệ giai cấp- nhân loại 3.6.2 Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại 3.7 Nhà nước 3.7.1 Nguồn gốc của nhà nước 3.7.2 Bản chất của nhà nước 3.7.3 Đặc trưng của nhà nước 3.7.4 Chức năng cơ bản của nhà nước 3.7.5 Các kiểu và hình thức nhà nước 3.8 Cách mạng xã hội 3.8.1 Nguồn gốc của cách mạng xã hội	2/1/0	kĩ thuật khẩn trải bàn Thuyết trình Động nào	Phiếu học tập Làm việc nhóm	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7
13	3.8.2 Bản chất của cách mạng xã hội thế giới hiện nay 3.8.3 Phương pháp cách mạng 3.8.4 Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay 3.9 Ý thức xã hội 3.9.1 Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.9.2 Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội 3.9.3 Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	2/1/0	Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề	Hoàn thành phiếu học tập Làm việc cá nhân	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
14	3.10 Con người và bản chất của con người 3.10.1 Con người là thực thể sinh học- xã hội 3.10.2 Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình 3.10.3 Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người 3.10.4 Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử 3.10.5 Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội	2/1/0	Phương pháp thuyết trình Phương pháp vấn đáp	Hoàn thành phiếu học tập Làm việc nhóm nhỏ	A1.1 A1.2	CLO 5 CLO7
15	3.11 Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.11.1 Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa 3.11.2 “Vĩnh viễn giải phóng xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức” 3.11.3 “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” 3.12 Quan điểm của triết học Mác- Lênin về quan hệ cá nhân và XH, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.12.1 Quan hệ giữa cá nhân và xã hội	2/1/0	Trò chơi Động não Thực quan	Hoàn thành Phiếu học tập Làm việc cá nhân Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO5
16	3.12.2 Vai trò của quần chúng ND và lãnh tụ trong LS 3.13 Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	2/1/0	Sơ đồ tư duy	Làm bài tập cá nhân Ôn tập	A1.1 A1.2	CLO5
17	Thi kết thúc học phần		Tự luận		A3	CLO 3 CLO 4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2021	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2010	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb Chính trị Quốc gia
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2014	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành triết học)	Nxb Đại học Sư phạm

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

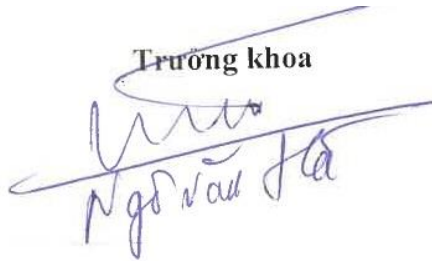
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Cách mạng tháng Mười	https://www.youtube.com/watch?v=LlXY26bvdK8&t=420s	10/7/21
2	Chủ nghĩa Mác không lỗi thời	https://www.youtube.com/watch?v=YXexq61RQLU	10/07/21
3	Tuổi trẻ Các Mác	https://www.youtube.com/watch?v=QxfJlQ7qHaQ	10/07/21
4	Who am I	Ted.com https://www.ted.com/talks/amy_adkins_who_am_i_a_philosophical_inquiry	10/7/21

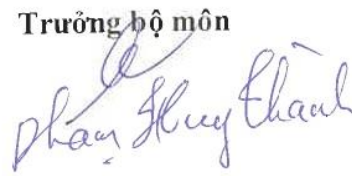
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
----	---------------------------------------	---	-------------------------------------

		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

Trưởng khoa

 Ngô Văn Hà

Trưởng bộ môn

 Phạm Huy Thành

Giảng viên biên soạn

 B. Đình Thư

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc****CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Political economy of Marxism – Leninism
1.3	Mã học phần:	21321901
1.4.	Số tín chỉ:	2TC
1.5.	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1,5TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0,5TC (06 tiết)
-	Thực hành loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6.	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS Vương Phương Hoa
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	- TS Vương Phương Hoa - TS Nguyễn Lê Thu Hiền - TS Nguyễn Hồng Cử - Ths Nguyễn Thị Kiều Trinh - Ths Nguyễn Thị Thu Huyền - Ths Trần Thị Thùy Trang - Ths Nguyễn Thị Hương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học Lý luận chính trị
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Triết học Mác – Lênin
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương. ☐ Kiến thức Cơ sở ngành. ☐ Kiến thức Chuyên ngành. ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận.

2. Mô tả tóm tắt học phần

Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính:

Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền.

Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Qua nghiên cứu, học tập, sinh viên hiểu rõ những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Học phần góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Trên cơ sở đó, người học biết đánh giá những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn liên quan đến những vấn đề kinh tế chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Có kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.

CO2: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

CO3: Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Đóng góp cho PI	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Giải thích được các phạm trù cơ bản, đặc điểm và bản chất các quy luật vận động của kinh tế thị trường; kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	PI1.1	M
CLO2	Giải thích được đặc điểm, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	PI1.1 PI6.1	M I
CLO3	Phân tích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.	PI1.1 PI1.3	M I
CLO4	Áp dụng được các kiến thức đã học để có thể lý giải những hiện tượng kinh tế, xã hội trong thực tiễn	PI1.1 PI1.3	M I
CLO5	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần kinh tế chuyên ngành.	PI8.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.3					PI6.1		PI8.2
CLO 1	M								
CLO 2	M						I		
CLO3	M	I							
CLO4	M	I							
CLO5									R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1 50	W1 20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
	A1.2 Bài tập ngắn/ nhiệm vụ trên lớp	P1.2. Tự luận/ Trình bày tại lớp	R2	W1.2 50		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2. Kiểm tra giữa kỳ	P2. Tự luận	R6	100	W2 30	CLO1 CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3. Thi cuối kỳ	P3. Tự luận	R6	100	W3 50	CLO1 CLO2 CLO3

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề.	- Học ở lớp: Sinh viên Think-Share và nghe giảng.	A1.1 A1.2	CLO1 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận			- Học ở nhà: + Đọc chương 1 Giáo trình [1] trang 11-33. + Đọc thêm tài liệu [3].		
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C.mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 2 Giáo trình [1] trang 34-46.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
3	2.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 2	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường. 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.			Giáo trình [1] trang 46-61.		
4	2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường. 2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Làm việc nhóm và làm bài tập cá nhân số 1. - Học ở nhà: Đọc Chương2 Giáo trình [1] trang 61-83.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương3 Giáo trình [1] trang 84-98.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
6	3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản. 3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy. 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương3 Giáo trình [1] trang 98-109.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
7	3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe	A1.1 A1.2 A2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	trong nền kinh tế thị trường. 3.3.1. Lợi nhuận. 3.3.2. Lợi tức. 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa.		- Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	giảng. Thảo luận nhóm 4. Làm bài tập cá nhân số 2. - Học ở nhà: Đọc Chương 3 Giáo trình [1] trang 109-123.	A3	
8	Kiểm tra giữa kỳ	0	Tự luận		A2	CLO1 CLO2
9	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I. Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 4 Giáo trình [1] trang 124-144.	A1.1 A1.2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
10	4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. 4.3. Những biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4.	A1.1 A1.2 A3	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	này nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền. 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản. 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.		- Dạy học qua tình huống.	- Học ở nhà: Đọc Chương 4 Giáo trình [1] trang 144-168.		
11	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 5 Giáo trình [1] trang 169-187.	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5
12	5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 5 Giáo trình [1]	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên một số khía cạnh chủ yếu.			trang 187-196.		
13	5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích.	1,5/0,5	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 5 Giáo trình [1] trang 196-223.	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5
14	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa.	1,5/0,5	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 224-245.	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5
15	6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 246-259.	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5
16	6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	6.2.1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.		- Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	giảng. Làm việc nhóm. - Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 260-286.		
17	Thi cuối kỳ (Theo lịch thi)	0	Tự luận		A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Sử dụng trong các trường đại học - hệ không chuyên lý luận chính trị).	Chính trị Quốc gia Sự thật
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đảng Cộng sản Việt Nam.	2021	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Chính trị Quốc gia Sự thật.
3	PGS.TS. Trần Việt Tiến	2019	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

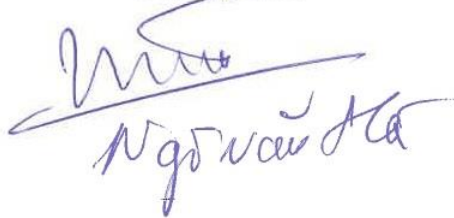
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Thọ, Những nội dung mới về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.	https://www.tapchicongsan.org.vn	09/05/2021
2	Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội XIII	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn	14/07/2021
3	Nhiệm kỳ 2016-2020: Việt Nam đạt nhiều thành tựu kinh tế đặc biệt, nâng cao vị thế đất nước.	https://vtv.vn/	13/01/2021
4	Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập quốc tế	https://vtv.vn/	02/09/2020

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Máy tính, máy chiếu		Chương 1-6

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

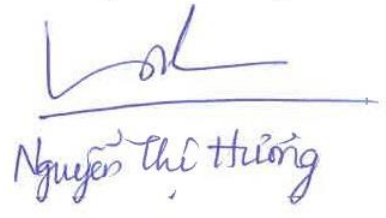
Trưởng khoa


Ngô Văn Hòa

Trưởng bộ môn


Vương Phương Hoa

Giảng viên biên soạn


Nguyễn Thị Hương

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Science socialism
1.3	Mã học phần:	21221903
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1,5TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0,5TC (06 tiết)
-	Thực hành loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS.Vương Phương Hoa
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vương Phương Hoa, TS Nguyễn Lê Thu Hiền, TS Nguyễn Hồng Cử, Ths Nguyễn Thị Kiều Trinh, Ths Nguyễn Thị Thu Huyền, Ths Trần Thị Thùy Trang, Ths Hoàng Thị Kim Liên TS Vương Thị Bích Thủy, Ths Nguyễn Thị Hương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	BM Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Triết học Mác-Lênin
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do

1.9	<i>Thuộc khối kiến thức</i>	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận
------------	------------------------------------	---

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần được kết cấu thành hai phần chính:

- Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần là cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học và những nội dung cốt lõi của lý luận Chủ nghĩa xã hội khoa học. Giúp người học hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong tiến trình giải phóng con người và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Đồng thời nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp người học nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn, vận dụng tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- **CO2:** Có kiến thức cơ bản, cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

- **CO3:** Có năng lực hiểu biết thực tiễn, vận dụng tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO4:** Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Thời gian, mức độ tham gia các buổi học trên lớp	R1	W1.1 50%	W1 20%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
	A1.2. Bài tập cá nhân	P1.2. Trình bày tại lớp; Hỏi – đáp; Trắc nghiệm	R2	W1.2 50%		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2. Kiểm tra giữa kỳ	P2. Tự luận	R6	W2.1 30%	W2 30%	CLO1 CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3. Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3.1 100%	W3 50%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao đề thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học; 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; 1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.2. V.I.Lênin vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới	2/0	Kết hợp: - Thuyết trình; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Đàm thoại;	- Đọc giáo trình tr.7-27; - Nghe giảng, - Làm bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
2	1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay. 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.3.1. Đối tượng 1.3.2. Phương pháp 1.3.3. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	1/1	Kết hợp: - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Đàm thoại; - Thảo luận	- Đọc giáo trình tr.7-27; - Nghe giảng, - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
3	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	2/0	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Thảo luận	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Đối thoại; - Bài tập cá nhân; - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
4	2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay	2/0	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Thảo luận	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Đối thoại; - Bài tập cá nhân; - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
5	2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. 2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1/1	- Thuyết trình; - Đối thoại. - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Động não;	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Nghe giảng - Đối thoại; - Bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
6	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan; - Động não	- Đọc giáo trình, tr.48-68; - Thảo luận đôi, nhóm - Bài tập cá nhân.	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5
7	3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1/1	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan; - Động não - Thảo luận	- Tự nghiên cứu Giáo trình 1, tr.48-68; - Thảo luận đôi, nhóm - Bài tập cá nhân.	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5
8	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	2/0	- Thuyết trình; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Vấn đáp	- Đọc giáo trình, tr.69-89 - Nghe giảng, làm bài tập cá nhân; - Đối thoại;	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa			- Giải quyết tình huống		
9	4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	1/1	- Thuyết trình; - Giảng giải; - Động não - Nêu vấn đề; - Vấn đáp - Dạy học tình huống	- Đọc giáo trình, tr.69-89; - Nghe giảng - Đối thoại; - Giải quyết tình huống	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5
	Kiểm tra Giữa kỳ	2 tiết	Tự luận	Được sử dụng tài liệu	A2	CLO1 CLO2
10	Chương 5. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội-giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong	2/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Thảo luận;	- Đọc giáo trình, tr.89-104; - Đối thoại; - Thảo luận nhóm; - Bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội					
11	5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	1/1	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Thảo luận;	- Đọc giáo trình, tr.89-104; - Đối thoại; - Thảo luận nhóm; - Bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
12	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	2/0	-Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình 1, tr.105-110; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
13	6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	1/1	- Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình 1, tr.110-128; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
14	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2/0	- Thuyết trình;	- Đọc giáo trình 1, tr.128-143;	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.2.1. Cơ sở kinh tế-xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị-xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ		- Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm		
15	7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1/1	- Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình, tr.128-143; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
16	Kiểm tra cuối kỳ		Tự luận	Được sử dụng tài liệu	A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học chuyên Lý luận chính trị)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2008	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2018	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

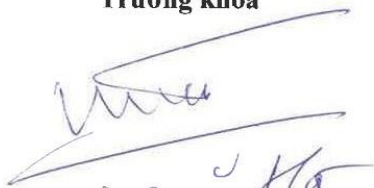
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	- Lịch sử Biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đảng toàn tập - Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế - Các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	20/07/2021
2	- Thông tin lý luận - Sự kiện, bình luận - Các bài nghiên cứu theo chủ đề	https://www.tapchicongsan.org.vn/	20/07/2021
3	Các bài nghiên cứu theo chủ đề	http://lyluanchinhtri.vn/	20/07/2021
4	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề	http://tapchikhxh.vass.gov.vn/	20/07/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3,4,5,6,7

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

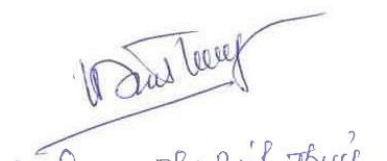
Trưởng khoa


Ngô Văn Hòa

Trưởng bộ môn


Vương Phương Hòa

Giảng viên biên soạn


Vương Thị Bích Thủy.

4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	History of The Communist Party of Vietnam
1.3	Mã học phần:	21221904
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1.5TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0.5TC (06 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Đinh Văn Trọng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	1. PGS.TS. Ngô Văn Hà, 2. TS. GVCC. Lê Thị Tuyết Ba, 3. TS. Từ Ánh Nguyệt, 4. Ths. GVC. Đỗ Thị Hằng Nga, 5. Ths. GVC. Nguyễn Văn Hoàn, 6. Ths. Nguyễn Hải Như
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	1. Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh (Khoa LLCT – Trường ĐHKT) 2. Lý luận Chính trị (Khoa GDCT – Trường ĐHSP)

1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học có khả năng vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; đồng thời giáo dục cho sinh viên lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Giúp cho sinh viên hiểu rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đổi mới đất nước.

- **CO2:** Định hướng cho sinh viên phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước trước xã hội, chấp hành chủ trương, pháp luật của Đảng và nhà nước.

- **CO3:** Rèn luyện phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn; phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội ... theo đường lối, chính sách của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Nhận thức được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.	PI1.1	M,A
CLO2	Phân tích được ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng, quá trình thực hiện đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.	PI1.3, PI6.3	R
CLO3	Nhận thức được đường lối công nghiệp hóa, đường lối kinh tế, kinh tế biển, đường lối đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới, ...	PI1.3	R
CLO4	Phân tích được quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối công nghiệp hóa, đường lối kinh tế, kinh tế biển, đường lối đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới,...	PI1.1 PI6.2 PI6.3	M,A R R
CLO5	Rèn luyện cho người học phong cách tư duy lý luận, khả năng nghiên cứu, học tập suốt đời, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm,..; chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và ý thức trách nhiệm của công dân trước xã hội.	PI8.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1		PLO6		PLO8
	PI1.1	PI1.3	PI6.2	PI6.3	8.2
CLO 1	M, A				
CLO 2		R		R	
CLO 3		R			
CLO 4	M,A		R	R	
CLO 5					R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1 50	W1 20	CLO 1, 2, 3, 4, 5
	A1.2 Bài tập ngắn trên lớp, thuyết trình, làm việc nhóm và nhiệm vụ trên lớp	P1.2. Trình bày tại lớp	R2	W1.2 50		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2 Kiểm tra giữa kỳ	P2 Tự luận/Trắc nghiệm	R6	W2.1 100	W2 30	CLO 1, 2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3 Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3.1 100	W3 50	CLO 1, 2, 3, 4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;

- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/Buổi (2tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ 2.1. Chức năng 2.2. Nhiệm vụ 3. Phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập 3.1. Phương pháp nghiên cứu 3.2. Ý nghĩa học tập	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương mở đầu trong giáo trình bắt đầu từ trang 01. - Nghe giảng. - Đối thoại;	A1.1 A1.2	CLO 1
2	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 02/1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 13. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2

3	1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: - Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 13 và 30. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2
4	1.2.2. Phong trào Dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám 1945	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: - Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 30. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2
5	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền Cách mạng và	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo:	A1.1 A1.2	CLO 1, 2

	kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng 1945 – 1946		- Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Chương 2 trong giáo trình bắt đầu từ trang 59. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.		
6	2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 2 trong giáo trình bắt đầu từ trang 59. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2

7	2.2. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 2 trong giáo trình bắt đầu từ trang 85. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2
8	Kiểm tra giữa kỳ		Tự luận.	Làm bài.	A2	CLO 1, 2
9	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc Đổi mới (1975-2018) 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc(1975-1986) 3.1.1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1981 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 114. - Nghe giảng. - Đối thoại; - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5
10	3.1.1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1981 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986 (tiếp theo)	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực.	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 114.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5

			- Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	- đầu từ trang 114. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.		
11	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế(1986–2018) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội1986-1996	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5
12	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế(1986–2018) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội1986-1996 (tiếp theo)	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5
13	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế 1996-2018	1/1/0	Kết hợp các phương pháp:	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5

			- Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.		
14	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế 1996-2018 (tiếp theo)	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5
15	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế 1996-2018 (tiếp theo)	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5
16	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và	2/0/0	Kết hợp các	- Đọc giáo trình và tài liệu tham	A1.1 A1.2	CLO 3, 4, 5

	hội nhập quốc tế 1996-2018 (tiếp theo) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới Kết luận		phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	khảo: Chương 3 trong giáo trình bắt đầu từ trang 126. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.		
17	Kiểm tra cuối kỳ		Tự luận.	Làm bài.	A3.1	CLO 1, 2, 3, 4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc Đại học - Không chuyên ngành Lý luận chính trị)	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
Sách, giáo trình tham khảo				
2	TS. Vũ Ngọc Lương	2020	Tìm hiểu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Công an nhân dân
3	PGS.TS. Vũ Như Khôi	2020	Đảng Cộng sản Việt Nam 90 năm (1930-2020) – Những chặng đường lịch sử vẻ vang	Nxb Công an nhân dân
4	Hội đồng Lý luận Trung ương	2018	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

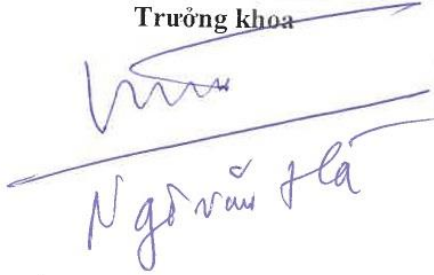
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tư liệu văn kiện Đảng toàn tập	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	12/7/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương mở đầu, 1, 2, 3

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

Trưởng khoa


Ngô Văn Hòa

Trưởng bộ môn


Đinh Văn Trọng

Giảng viên biên soạn


Nguyễn Hải Như

5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA: KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Ho Chi Minh's ideology
1.3	Mã học phần:	21321922
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1,5TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0,5TC (6 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0 tiết (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Đinh Văn Trọng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	1. PGS.TS. Ngô Văn Hà 2. PGS.TS. GVCC. Trần Ngọc Ánh, 3. TS. GVC. Dương Anh Hoàng, 4. NCS. Ths. Nguyễn Duy Quý, 5. NCS.Ths. Hồ Thanh Hải, 6. Ths. Lê Thị Ngọc Hoa, 7. Ths. Trịnh Quang Dũng, 8. Ths. Lê Sơn, 9. TS. Phạm Đức Thọ.
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	1. LSD - TT.HCM - ĐHKT 2. LLCT – ĐHSP
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: bối cảnh, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển, những nội dung cơ bản (đặc biệt là những sáng tạo về tư tưởng) của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CO2: Trau dồi kỹ năng phân tích, kỹ năng vận dụng và kỹ năng làm việc nhóm, nhận diện và đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng chưa đúng.

CO3: Lạc quan, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIS	Mức độ của PIS
CLO1	Nhận thức được các kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh, nhận diện các quan điểm sai trái.	PI6.1	R
CLO2	Trình bày được một số nội dung cơ bản về tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh.	PI1.1	M
CLO3	Áp dụng được một số nội dung cơ bản tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh trong học tập, công tác và rèn luyện bản thân.	PI1.1	M
CLO4	Phân tích được một số nội dung cơ bản về tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh, nhất là những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Người.	PI8.1, PI8.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	
	PI1.1					PI6.1		PI8.1	PI8.3
CLO 1						R			
CLO2	M								
CLO3	M								
CLO4								R	R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1 50	W1 20	CLO1 2, 3, 4
	A1.2 Bài tập cá nhân, thuyết trình, làm việc nhóm	P1.2. Trình bày tại lớp/ Trắc nghiệm	R2	W1.2 50		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2 Tự luận/Trắc nghiệm	R6	W2.1 100	W2 30	CLO 1, 4
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3.1 100	W3 50	CLO 1, 2, 3, 4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả các bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết /buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực; - Trực quan; - Nêu và giải quyết vấn đề;	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình chương 1. Tài liệu tham khảo; - Nghe giảng; - Đối thoại;	A1.1 A1.2	CLO1